

Số: 05/2021/QĐ-UBND

Long An, ngày 20 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND
ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp nhiệm vụ chi
từ nguồn thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp nhiệm vụ chi từ nguồn thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 293/TTr-STC ngày 18/01/2021; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 6030/STP-XDKTVB ngày 05/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp nhiệm vụ chi từ nguồn thu bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Đối với số thu trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

Trên cơ sở tổng số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách tỉnh:

a) Sử dụng 50% trên tổng số thu bổ sung dự toán cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và bổ sung có mục tiêu về cho ngân sách cấp huyện để thực hiện hỗ trợ cho người trồng lúa áp dụng giống mới, tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và các chương trình mục tiêu khác cho người dân để bảo vệ đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1, Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số

62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP (gọi tắt là khoản 1, Điều 8).

b) Phần kinh phí còn lại (50%) chi theo quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4, Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP (gọi tắt là khoản 2, Điều 8), được quy đổi thành 100% và phân bổ theo nguyên tắc:

- Bổ sung có mục tiêu 50% cho các huyện: Đức Hòa, Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước, thành phố Tân An, Tân Trụ, Thủ Thừa, Châu Thành, Đức Huệ và thị xã Kiến Tường; 50% còn lại phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bổ sung có mục tiêu 70% cho các huyện: Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Thạnh Hóa, Tân Thạnh; 30% còn lại phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với số thu của tỉnh (các tổ chức nộp)

a) Sử dụng 50% trên tổng số thu bổ sung dự toán cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và bổ sung có mục tiêu về cho ngân sách cấp huyện để chi theo quy định tại khoản 1, Điều 8.

b) Phần kinh phí còn lại (50%) phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chi theo quy định khoản 2, Điều 8.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành chức năng có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra chế độ thu, nộp và sử dụng đối với các cấp theo quy định.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2021 và thay thế Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tỷ lệ (%) phân bổ đối với các khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Long An.

2. Đối với nguồn thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách nhà nước trước ngày 01/02/2021 thì thực hiện theo Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng: KTTC, THKSTTHC;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, STC_(Đat), Nguyen.